

# Đông Nam bộ trong lịch sử Phù Nam và Chân Lạp

□ HUỲNH NGỌC ĐĂNG(\*)

**Bước vào thiên niên kỷ mới sau công nguyên, trong suốt 16 thế kỷ, vùng đất phía nam bán đảo Đông Dương diễn ra nhiều diễn biến lịch sử sinh động và phức tạp. Đầu tiên là sự hình thành nhà nước Phù Nam trên nền tảng văn hóa Óc Eo. Thể chế biển (Maritime polity) này đã đạt đến sự phát triển đỉnh cao từ hải thương và nông nghiệp trồng lúa. Đến thế kỷ thứ VII, Phù Nam sụp đổ, Chân Lạp thay quyền bá chủ, phát triển sinh động với đỉnh cao là nền văn minh Angkor rực rỡ.**

**Với những thành tựu khoa học trong nghiên cứu về văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, lịch sử vùng đất Nam Bộ, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ) đã được làm sáng tỏ nhất định. Nhưng lịch sử vùng Đông Nam Bộ vẫn còn nhiều vấn đề học thuật liên quan chưa có câu trả lời thích đáng. Đông Nam Bộ có vị trí ra sao trong toàn bộ thể chế nhà nước Phù Nam, Chân Lạp là điều cần xem xét khi tìm hiểu về xã hội Đông Nam Bộ thời kỳ này.**

## 1. Đông Nam Bộ trong lịch sử Phù Nam

Các nhà khoa học đã khẳng định chính văn hóa Đồng Nai là một trong những yếu tố nội sinh cùng với văn minh Ấn Độ tạo thành văn hóa Óc Eo, nền tảng kinh tế và chính trị của vương quốc Phù Nam. Theo quan điểm này, Văn hóa Đồng Nai đã từng bước đi về hướng tây. Nhóm đi đầu của tiến trình này được xác định là nhánh Văn hóa Đồng Nai tuyến lưu vực sông Vàm Cỏ với các cộng đồng cư dân trồng lúa điển hình thuộc di chỉ An Sơn. Nhóm này đã tiên phong trong định hình vùng văn hóa tiền Óc Eo khu vực Đồng Tháp Mười<sup>1</sup>. Đồng thời với đó, cộng đồng cư dân giàu có với nhiều vũ khí sắt ở Cần Giuộc cũng đã dần tiến về vùng tứ giác Long Xuyên, góp phần định hình trung tâm thương cảng Óc Eo. Nội dung quan điểm về cuộc “tây tiến” của Văn hóa Đồng Nai thật hấp dẫn, chỉ tiếc rằng cho đến nay, mọi thứ vẫn còn là suy đoán, thiếu chứng cứ lịch sử hay bằng chứng khảo cổ. Tuy nhiên nó vẫn được xem như là *nguyên lý cơ bản khi nghiên cứu về sự định hình văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam.*

Khi đột biến thoát vào cuối thiên niên kỷ I trước công nguyên tạm dừng, châu thổ đồng bằng sông Cửu Long định hình cơ bản như hiện nay. Một xã hội trồng lúa quy mô đã nhanh chóng hình thành trên vùng phù sa mới màu mỡ này. Lúa đã hấp dẫn thương thuyền các nơi nhưng chính thương mại đã thúc đẩy xã hội tiến lên theo đà nhảy vọt. Trung tâm thương mại Óc Eo ra đời kéo theo nó là một nền văn hóa được đặt tên là Văn hóa Óc Eo với những đặc trưng cơ bản là các đền thờ nền gạch hình chữ nhật luôn có *bệ thờ*, nơi đặt các *hình thờ* (linga, yoni); với các đồ gốm, nhất là *gốm thờ* có đặc điểm Ấn Độ cùng với các đồ kim khí đồng thau, vàng bạc mà phần nhiều là đồ trang sức; và một nề nếp sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng rõ nét văn hóa Ấn Độ và Hindu giáo. Văn hóa Óc Eo được khảo cổ học tìm thấy khá nhiều nơi ở đồng bằng sông Cửu Long, đậm đặc nhất là khu vực tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười. Người ta cũng tìm thấy một số di vật, chủ yếu là gốm và các phế tích đền thờ theo nét Óc Eo ở một số nơi thuộc Đông Nam Bộ. Dù số lượng di vật

1. Phan Huy Lê (Chủ nhiệm), *Quá trình hình thành vùng đất Nam Bộ*, tập 1; NXB. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2017. Trang 273-278.

(\*) TS. Hội KHLH tỉnh Bình Dương; email: huynhngocdang@gmail.com

không nhiều và dấu tích khá mờ nhạt nhưng nhiều nhà khoa học đã dựa vào đó để «Ốc Eo hóa» (đồng thời đó là «Phù Nam hóa») vùng Đông Nam Bộ. Tất nhiên, *trong tất bật suy đoán đó, Văn hóa Đồng Nai đã bị bỏ lửng, tự tàn lụi, mất dấu trước hết là trong tư duy khoa học của các nhà nghiên cứu.*

Nghiên cứu về văn hóa xã hội Đông Nam Bộ giai đoạn đầu công nguyên không thể tránh né các câu hỏi rằng liệu các tuyến xã hội lúa, gốm, luyện kim, chinh phục và thân tộc ở Đông Nam Bộ hình thành và tỏa sáng trong Văn hóa Đồng Nai đã tiếp tục phát triển ra sao từ đầu công nguyên? Các nhà nước thị tộc sơ khai đã hình thành như thế nào, các tiểu quốc bản địa đó đã định hình, có quan hệ, chịu ảnh hưởng hay có ảnh hưởng đối với Phù Nam ra sao? Trả lời được phần nào các câu hỏi này sẽ lý giải được nội dung cơ bản của xã hội Đông Nam Bộ đương thời. Đó là những gì đang thiếu trong các sử liệu về Phù Nam cả văn tự, văn bia hay di chỉ khảo cổ.

Những nhà Phù Nam học tiên phong như Pelliot, Malleret... chỉ căn cứ vào các trang sử liệu vốn khá mờ mờ của Trung Quốc để định hình (áng chừng) cương vực Phù Nam trải rộng hết cả vùng biển Đông Nam Á, vùng bán đảo Mã Lai và hầu hết phần phía nam của bán đảo Đông Dương... Tất nhiên, theo đó Đông Nam Bộ cũng thuộc lãnh thổ Phù Nam. Tuy nhiên, *cả di chỉ khảo cổ và các trang ghi chép của các sử thần và sử thần Trung Quốc lại rất hiếm sử liệu chứng minh rõ ràng, vững chắc rằng Đông Nam Bộ thuộc phạm vi lãnh thổ của Phù Nam, cả thời Phù Nam là vương quốc hay đế quốc.*

Phù Nam thời mới hình thành, khi là một vương quốc của các vua họ Hồn (Hồn Điền, Hồn Bàn Bàn...) chỉ có 7 tiểu quốc, trong đó có Chân Lạp và các nhà nước sơ khai ở bán đảo Mã Lai và Java. Sử liệu Trung Quốc ghi rõ tên các tiểu quốc đó, *không thấy có tiểu quốc nào ở Đông Nam Bộ.*

Tương tự, thời Phù Nam đế quốc của các vua họ Phạm (Phạm Chiên, Phạm Trắc, Phạm Kim Sinh...) hay các vua có hiệu danh Ấn Độ (Chiên Đàn-Chandra, Bạt man-Varman...), sau các cuộc chinh phục mở rộng lãnh thổ, có 10 tiểu quốc. Các tiểu quốc mới bị chinh phục như Bàn Bàn, Xích Thổ... đều thuộc bán đảo Mã Lai. Rõ ràng, tương tự như trên, *không thấy tên tiểu quốc nào ở Đông Nam Bộ được ghi chép.*

Hai điều “không thấy” ở trên tạo ra sự nghi ngờ cần thiết về một sự thật lịch sử vốn xưa nay được xem như đã là hiển nhiên rằng Đông Nam Bộ, cư dân và các tiểu quốc sơ khai ở đây thuộc vương quốc Phù Nam, bị chi phối ràng buộc bằng thể chế mandala với kinh đô Ốc Eo hay Angkor Borei của Phù Nam. Từ đây sẽ hình thành hai cách tiếp cận:

Cách tiếp cận thứ nhất: cho rằng *các tiểu quốc sơ khai ở Đông Nam Bộ là các thuộc quốc của Phù Nam.* Nhưng do các tiểu quốc này không có vị trí quan trọng về kinh tế thương mại nên không được triều đình Phù

Nam quan tâm, không được các sử thần hay sử thần Trung Hoa lui tới, ghi chép.

Cách tiếp cận thứ hai: cho rằng các tiểu quốc ở Đông Nam Bộ không thuộc phạm vi lãnh thổ và thể chế chính trị của Phù Nam. Đây cũng không thuộc phạm vi lãnh thổ của Champa (lúc này vẫn đang còn là những tiểu quốc phân lập) và Chân Lạp (lúc này đang là một tiểu quốc phụ thuộc của Phù Nam, có địa bàn chủ yếu ở vùng bắc biển Hồ)

Cả hai cách tiếp cận trên, dù theo cách nào cũng đều dẫn đến hệ quả nhận thức: Đông Nam Bộ là vùng đất có phần biệt lập, đã bị bỏ quên trong nhận thức và hành động của vua chúa Phù Nam. Do vậy, có sự khác biệt nhiều mặt giữa xã hội Đông Nam Bộ đương thời với xã hội Phù Nam nói chung.

Hai cách tiếp cận (có cùng một hệ quả nhận thức) trên được sự ủng hộ của nhiều sử liệu đáng tin cậy về Phù Nam.

Với đặc điểm là một thể chế biển, Phù Nam ngay khi phồn thịnh nhất vẫn là nền kinh tế hướng biển. Vì vậy đối tượng chinh phục cả về chính trị và thương mại của Phù Nam là bán đảo Mã Lai, nơi có đầu cầu thương mại đông, tây ở eo đất Kra, và các đảo quốc phía nam nay thuộc Indonesia. Vì vậy Phạm Sư Man người về sau lên ngôi vua Phù Nam đã đem hạm đội chinh phục các tiểu quốc ở đây. Mặt khác, nhu cầu nguồn nguyên liệu kim khí phục vụ cho ngành thủ công làm đồ trang sức và vật thờ cúng đã thôi thúc Phù Nam luôn quan tâm chinh phục và quản lý chặt chẽ các vùng phong phú quặng mỏ như vùng đông bắc Biển Hồ, nơi có các tiểu quốc cổ Chân Lạp và vùng bắc bán đảo Mã Lai, nơi có các tiểu quốc cổ Môn-Khmer. Vùng lúa Tháp Mười, An Giang và vùng muối ven biển Bạc Liêu, Trà Vinh, Sóc Trăng đã cơ bản định hình trong kinh tế Phù Nam. Sử liệu các loại đều chứng minh rõ các khuynh hướng phát triển đó của Phù Nam. Riêng *vùng rừng rậm Đông Nam Bộ rộng lớn nhưng không nhiều quặng mỏ nên các vua chúa Phù Nam hầu như không quan tâm.*

Mối quan tâm đến các nguồn lợi kinh tế, nhất là kinh tế biển đã cuốn hút các vua chúa Phù Nam. Động cơ kinh tế và phần nào về chính trị thôi thúc họ đi xa hơn với những nỗ lực phi thường: cố gắng gửi sứ giả giao thiệp với cả Trung Quốc và Ấn Độ bằng những cuộc hải hành nhiều tháng trên biển. Họ đã thực sự hướng biển, cả đông và tây, cả nam và bắc. Họ cũng đã chinh phục trên bộ hầu khắp các vùng có tiềm năng kinh tế hấp dẫn, từ bắc biển Hồ đến giáp giới Lâm Ấp, từ bắc bán đảo Mã Lai, cả châu thổ sông Menam đến vùng Thượng Lào. Sử sách vẫn còn chưa hết thắc mắc về tính chất vũ trang xung đột hay hòa bình tín ngưỡng của các cuộc chinh phục rất bận rộn đó. Tuy nhiên, *chưa hề có một sử liệu nào cho thấy các vua chúa Phù Nam tỏ ý hoặc thực sự tiến hành các hoạt động chinh phục vùng Đông Nam Bộ, đơn giản vì nơi đây không có gì hấp dẫn họ về cả kinh tế hay chính trị.*

Yếu tố địa lý, tự nhiên cũng có thể đã góp phần chi phối. Để đến với Phù Nam buôn bán, giao lưu, thương thuyền từ hướng tây cặp bờ eo đất Kra, chuyển bộ hành lý đến bờ biển đối diện và sau đó đi thuyền đến Óc Eo. Như vậy biển Tây Nam, nay là vùng vịnh Phú Quốc là cửa ngõ rộng mở của Phù Nam về hướng tây. Một hướng khác để giao thương với Phù Nam là từ biển theo sông Tiền và sông Hậu đến với Óc Eo và cả Angkor Borei. Các sứ giả Trung Quốc đã đi theo hành trình này, các thương thuyền từ phía đông và Đông Nam Á cũng đến với Phù Nam theo lộ trình đó. Cư dân thương mại Cần Giờ cũng theo đường đó giao thương với Óc Eo. *Hình thế địa lý đó dẫn đến sự “bỏ quên” cả một vùng Đông Nam Bộ rộng lớn nhưng ít nguồn lợi nông sản lẫn khoáng sản, lại khó khăn giao thông thủy bộ.* Tình hình này của Đông Nam Bộ không chỉ có ở thời Phù Nam mà còn kéo dài đến cả thời Chân Lạp, trước khi những lưu dân Việt Nam vào khai khẩn.

Văn hóa Óc Eo suy tàn, vương quốc Phù Nam sụp đổ, Chân Lạp thay thế, giữ vai trò chủ thể đối với lịch sử khu vực. Từ thế kỷ thứ VII trở đi, Đông Nam Bộ lại đứng trước những diễn biến kinh tế xã hội mới.

## 2. Đông Nam Bộ trong lịch sử Chân Lạp

Vừa thay thế vị trí bá quyền của Phù Nam, Chân Lạp đã phân ly thành hai vương quốc riêng biệt trong suốt một thế kỷ (từ năm 706-804). Sử liệu Trung Hoa ghi tên hai vương quốc đó là Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp<sup>2</sup>. Các nhà khoa học gọi đó là thời kỳ tiền Angkor (Pre-Angkor), thời kỳ tạo dựng những nền tảng quan trọng cho sự phát triển của nền văn minh Angkor huy hoàng sau này. Tuy nhiên đó cũng là thời kỳ được đánh dấu bằng 2 cuộc xâm lược có quy mô lớn và hết sức tàn bạo của người Sailendra từ miền trung đảo Java tấn công vào Chân Lạp. Trong lần xâm lược đốt phá kinh đô Samhupura năm 787, quốc vương của Lục Chân Lạp là Mahipativarman đã bị quân Java chặt đầu, gây sự khiếp sợ di truyền đến cả các vua Chân Lạp về sau<sup>3</sup>. Cuối những năm 790, một hoàng tử Chân Lạp bị quân Sailendra bắt đi và giam cầm ở Java đã trốn thoát về Chân Lạp, lần lượt đánh bại các thế lực cát cứ, thống nhất Chân Lạp. Ông lên ngôi vua năm 802. Đó là Jayavarman II, người đã mở ra thời đại Angkor huy hoàng.

Thời kỳ Angkor được các nhà khoa học xác định từ năm 802 và chấm dứt năm 1432, khi kinh đô Angkor bị người Xiêm đánh bại, chiếm đóng và tàn phá. Đó là thời đại của một nhà nước Chân Lạp đã quản lý một lãnh thổ rộng lớn, một đế chế tập quyền hùng mạnh,

từng xâm lược, đánh bại và cai trị nhiều tiểu quốc lân bang. Cùng với đó là nền văn minh Angkor huy hoàng với nhiều đền tháp, chùa chiềng, tượng bia, phản ánh văn hóa Khmer phong phú, sinh động, một xã hội chan hòa màu sắc tín ngưỡng của cả Bà la môn giáo, Phật giáo... Nhưng đó cũng là thời kỳ của nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu giữa người Chân Lạp với người Champa ở phía đông, vương quốc Xiêm ở phía tây...

Sau thời kỳ Angkor, vương quốc Chân Lạp ngày càng suy yếu, luôn chịu sức ép thường xuyên từ cả phía đông và tây, với những cuộc tranh chấp quyền lực trong nội bộ cung đình và một tình cảnh đói nghèo, khốn khổ của người Khmer, ở cả vùng cao hay vùng thấp.

Trong các diễn biến lịch sử của Chân Lạp trong hai thời kỳ trên, Đông Nam Bộ đã bị ảnh hưởng như thế nào, bởi những nhân tố tác động gì? Đó là vấn đề cần xem xét khi nghiên cứu về xã hội Đông Nam Bộ. Qua khảo sát, nhận thấy có mấy đặc điểm nổi bật đáng lưu ý:

### 2.1. Dấu tích văn hóa Chân Lạp ở Đông Nam Bộ rất mờ nhạt

Các nhà khoa học đã lập bản đồ phân bố các di tích khảo cổ Nam Bộ<sup>4</sup> có niên đại từ thế kỷ thứ VII trở đi. Kết quả cho thấy, trên địa bàn Đông Nam Bộ số lượng di tích không nhiều, đa số có niên đại chủ yếu thế kỷ VII, VIII, rất hiếm những di tích có niên đại muộn từ thế kỷ IX, X về sau. Điều này cho thấy thời kỳ Angkor huy hoàng không tỏa sáng đến Đông Nam Bộ (và cả Nam Bộ). Ngay những di tích niên đại thế kỷ VII, VIII cũng chỉ thấy sắc nét của văn hóa Óc Eo (muộn) hơn là văn hóa Chân Lạp. Bởi vì trong các di chỉ, người ta tìm thấy các phế tích đền thờ của Phù Nam (hơn là *tháp thờ* của Chân Lạp) và những di vật là *các hình thờ* của Phù Nam như linga, yoni... (hơn là *tượng thờ* của Chân Lạp). Điều này cho thấy, cùng với biển tiến gây ngập lụt, một bộ phận cư dân Óc Eo ở Tây Nam Bộ đã rút lên miền Đông mang theo đặc sắc văn hóa của mình. Các di tích Gò Sao, Gò Miếu, Gò Rộc Chanh, Gò Năm Tước ở Long An và nhóm di tích ở khu vực xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai là tiêu biểu cho tình hình này. Tất cả cho thấy, *cả thời Tiền Angkor và Angkor, trong suốt 10 thế kỷ, người Khmer thay người Phù Nam làm chủ Nam Đông Dương, văn hóa Chân Lạp chưa tạo được ảnh hưởng đáng kể ở Đông Nam Bộ.* Nói cách khác, về phương diện văn hóa khảo cổ, Đông Nam Bộ không thuộc văn hóa Chân Lạp và văn minh Angkor.

2. Thật ra, đến cuối thế kỷ thứ VIII, không chỉ có hai vương quốc Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp mà đã có tới 5 vương quốc lớn chia nhau các vùng của cả Lục và Thủy Chân Lạp.

3. Hành động tàn bạo đó có lẽ đã khiến cho giới cầm quyền Khmer thời bấy giờ khiếp sợ. “Từ đó, các ông vua Khmer sáng nào thức dậy cũng hướng về nước Java mà cúi đầu vái lạy sát đất để tỏ lòng cung kính”. Lawrence Palmer Briggs: The Ancient Khmer Empire, Americal Philosophical Society, 1951, p.68. Có thể xem thêm Mabbett and David Chandler: The Khmers, p.86. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim (chủ biên) Vùng đất Nam Bộ tập 3, NXB. Chính trị Quốc gia, trang 369.

4. Phan Huy Lê (Chủ nhiệm), Quá trình hình thành vùng đất Nam Bộ, tài liệu đã dẫn, trang 307

Sự thiếu vắng các di chỉ khảo cổ mang đặc điểm văn hóa Chân Lạp ở Đông Nam Bộ cho thấy người Khmer sau khi thay thế vai trò của vua chúa Phù Nam đã chưa từng quan tâm và chưa kịp có những hoạt động gây ảnh hưởng kinh tế, xã hội ở Đông Nam Bộ.

### **2.2. Đông Nam Bộ chưa từng là điểm đến trong 3 cuộc di cư lớn của người Chân Lạp**

Sau khi đánh bại vua chúa Phù Nam, Chân Lạp vốn là một thuộc quốc của Phù Nam đã tiến hành tổ chức cai trị vùng đất mới chinh phục. Họ đã tiến hành lần lượt trước sau các cuộc di dân đến các vùng đất mới. Đầu tiên là cuộc di cư về phương nam vào vùng lãnh thổ ven biển của Phù Nam. Người Chân Lạp đã men theo dòng sông Hậu đến sinh sống trên các doi đất cao ven sông và ven biển nay thuộc Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Nhưng đó cũng là thời điểm biến tiến cực bộ, đến giữa thế kỷ thứ VII mực nước dâng đến độ cao nhất từ 0,5 đến 1m so với ngày nay<sup>5</sup>. Diễn biến này đã chặn đứng dòng người Khmer nam tiến. Đến thế kỷ XIII, do chính sách cưỡng bức lao động, chế độ quân dịch rất nặng nề của các vua Khmer trong các thế kỷ XI-XII cũng như do sự uy hiếp của người Thái sau đó, cuộc nam tiến lần thứ hai của người Khmer đã diễn ra. Họ đã kéo xuống và co cụm tập trung ở vùng sông Bốn mặt (Chakdomuk) tức vùng Phnôm Pênh ngày nay. Cuối thế kỷ XIV, khi có đợt tấn công lớn thứ hai của người Thái vào Chân Lạp, kinh đô Angkor bị đánh chiếm và đốt phá, thì cuộc di cư của dân chúng lại diễn ra. Một bộ phận người Khmer đã đến vùng thượng nguồn sông Vàm Cỏ và sông Bé, nay là các vùng ven biên giới của tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước. Như vậy, *trải qua 3 cuộc di dân lịch sử của người Khmer, Đông Nam Bộ vẫn là vùng đất biệt lập, cơ bản vẫn không có người Chân Lạp đến định cư sinh sống.*

### **2.3. Đông Nam Bộ chưa từng bị Chân Lạp chinh phục, xác lập lãnh thổ.**

Ngay sau khi đánh bại Phù Nam, quân đội Chân Lạp đã tiến hành liên tục nhiều cuộc chiến tranh chinh phục các tiểu quốc trong khu vực để mở rộng lãnh thổ. Các tài liệu cho biết trong thời cực thịnh, Chân Lạp có tới 60 tiểu quốc. Điều đó cũng có nghĩa là hàng chục cuộc chiến tranh các dạng đã diễn ra trong quá trình Chân Lạp tiến hành chinh phục các vùng lân cận. Tuy nhiên, *chưa thấy có sử liệu nào cho biết Chân Lạp đã từng tiến hành chinh phạt tiểu quốc sơ khai nào đó ở Đông Nam Bộ.*

Trong khi đó, có khá nhiều tư liệu về việc Chân Lạp đã tiến hành các cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng với Champa và cả Đại Việt.

Quân đội hùng mạnh của Chân Lạp đã đánh nhau liên miên với Champa trong một cuộc chiến tranh kéo

dài được các sử gia phương tây gọi là “cuộc chiến tranh 100 năm”, tính từ năm 1123. Họ đã đánh chiếm kinh đô Vijaya (gọi theo âm Hán-Việt là kinh đô Phật Thệ, nay thuộc vùng Bình Định), thiết lập chế độ cai trị Champa trong nhiều năm (1201-1220) để rồi sau cùng suy kiệt lực lượng phải rời bỏ Champa rút quân về, lo đối phó với người Xiêm.

Chân Lạp đã tranh chấp, xung đột rồi chiến tranh toàn diện với Champa trong suốt một thế kỷ. Những cuộc tiến quân chinh phạt qua lại giữa hai nước diễn ra *trên hành lang từ vùng đông bắc Campuchia sang các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa hiện nay của Việt Nam*<sup>6</sup>. Đông Nam Bộ luôn yên ổn vì đã đứng ngoài các cuộc chiến loạn đó. Mặt khác, có thể do quá bận rộn chiến tranh với Champa và các cuộc chinh phục mở rộng lãnh thổ ở phía tây và phía bắc, các vua chúa Chân Lạp đã chưa từng để mắt đến vùng rừng núi tiếp giáp biển phía nam. *Quân đội hùng mạnh của đế quốc Angkor chinh phạt khắp nơi nhưng chưa hề đặt chân đến Đông Nam Bộ.* Ảnh hưởng quân sự, chính trị của Chân Lạp chưa từng hướng về hay lan tỏa đến Đông Nam Bộ. Đó là một thực tế lịch sử.

### **2.4. Đông Nam Bộ đứng ngoài các diễn biến chính trị xã hội Chân Lạp**

Chân Lạp cả thời còn chia đôi Thủy, Lục Chân Lạp và thời Angkor sau này đều đã nhiều lần bị tiến công từ đường biển phía nam. Quân đội hùng mạnh của Sailendra ít nhất đã hai lần từ Java vượt biển tấn công Chân Lạp. Lộ trình tiến quân của họ đều vào, *ra theo cửa sông Tiền và sông Hậu*, dùng thuyền nhẹ thần tốc đánh chiếm các nơi, cả kinh đô và những vùng kinh tế xã hội trọng yếu của Chân Lạp.

Quân đội của Champa cũng nhiều lần theo đường sông Tiền và sông Hậu tấn công Chân Lạp. Có lần như năm 1177, Champa đã chiếm được kinh đô Angkor, sát hại cả nhà vua đang trị vì, gây nhiều tổn thất cho Chân Lạp. Thâm thù đó, mấy năm sau các vua Chân Lạp đã bắt Champa phải trả giá nặng nề bằng các cuộc tấn công đánh thẳng vào kinh đô và cai trị Champa suốt hai mươi năm.

Các phái bộ ngoại giao, nhất là các sứ giả Trung Quốc cũng đều đến Chân Lạp theo đường biển, *qua cửa sông Tiền hoặc sông Hậu*. Châu Đạt Quan trong *Chân Lạp phong thổ ký* đã ghi chép khá rõ điều đó:

“...Nhờ thuận gió, trong vòng mười lăm ngày ta có thể đến thị trấn Chân-Bồ, đó là biên giới xứ Chân-Lạp. Đoạn, từ Chân-Bồ theo hướng Khôn-Thân, chúng tôi đi ngang qua biển Côn-Lôn và vào cửa sông. Sông này có hàng chục ngả, nhưng ta chỉ có thể vào được cửa thứ tư, các ngả khác có nhiều bãi cát thuyền lớn không đi được<sup>7</sup>...”. *Sứ đoàn của Trung Quốc đã không*

5. Xem Liêu Kim Sanh: “Hải xâm và hải thoái xưa ảnh hưởng đến vùng đồng bằng Nam Bộ”, bài in trong Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long, Long Xuyên, 1993, tr.74-85.

6. Một số tác giả đã nhầm lẫn khi cho rằng Đông Nam Bộ là vùng luôn tranh chấp, xung đột giữa Chân Lạp và Champa. Các tư liệu lịch sử cho thấy không có tình hình đó.

7. Châu Đạt Quan (Lê Hương dịch), *Chân Lạp phong thổ ký*, NXB. Kỷ nguyên mới, Sài Gòn, 1973, trang 22.

vào *Chân Bờ*, tức vùng *Bà Rịa* hiện nay mà đã đến cửa sông thứ tư tức cửa sông *Tiền* dẫn vào *Mỹ Tho* rồi đi lên kinh đô *Angkor*.

Châu Đạt Quan có viết một đoạn miêu tả cảnh quan của *Chân Lạp* nhưng phần nhiều các sử gia đều cho rằng đó là hình ảnh của vùng đất *Nam Bộ*:

“... Bắt đầu vào *Chân-bờ*, hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chạy dài hàng trăm lí, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú xum xê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đầy dẫy. Hàng trăm hàng ngàn trâu rừng tụ họp từng bầy trong vùng này. Tiếp đó, nhiều con đường giốc đầy tre chạy dài hàng trăm lí. tại mắt loại tre này có gai mọc và măng thì có vị rất đắng. Bốn phía có núi cao...”<sup>8</sup>

Thật ra, nửa trên của đoạn văn chính là cảnh quan của *Đông Nam Bộ* mà tác giả đã quan sát từ vùng biển *Chân Bờ*, tức *Bà Rịa-Vũng Tàu* nhìn vào bờ. Đó là mênh mông “bụi rậm”, “rừng thấp”, với “ bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú xum xê”, và muông thú hoang dã tiếng “kêu vang dội khắp nơi”. Đó là một vùng đất biệt lập, chưa được khai phá, quản lý. Tình hình này đã có từ thời *Phù Nam*. Đến thời *Chân Lạp*, chiến tranh liên miên ở các nơi làm chủ nhân mới người *Khmer* càng không thể quan tâm lui tới quản lý, khai thác vùng *Đông Nam Bộ*. Nơi này đã vốn hoang vắng nay càng trở nên biệt lập.

Sự biệt lập đó một phần do các đặc điểm tự nhiên của *Đông Nam Bộ*.

Hệ sông *Đồng Nai* biệt lập với vùng hạ và trung lưu *Mekong*, không thể dẫn đến các trung tâm kinh tế, chính trị của *Chân Lạp* ở phía bắc khu vực biển *Hồ*. Do vậy mà trong *giao thương qua lại giữa Chân Lạp và các quốc đảo phía nam, hai bên chỉ dùng đường cửa*

*sông Mekong*. Ngược lại khi giao thương và giao tranh với *Champa*, hai nước chỉ chủ yếu dùng đường bộ với *hành lang đông tây miền trung Việt Nam và đông bắc Campuchia hiện nay*, thi thoảng mới dùng đường biển xuôi ngược từ cửa sông *Mekong* ra các cảng khẩu khu vực *Khánh Hòa, Phú yên, Bình Định*. Hệ sông *Đồng Nai* (bao gồm cả hai nhánh *Vàm Cỏ*) vốn là cửa chính vào *Đông Nam Bộ* đã không được chú ý đến. Do vậy mà trong suốt 15 thế kỷ của cả thời *Phù Nam và Chân Lạp, Đông Nam Bộ* đã ít người lui tới, trở thành địa bàn hoang vắng, biệt lập với mọi động tĩnh kinh tế, chính trị của cả *Phù Nam và Chân Lạp*. Mãi đến khi lưu dân người Việt kéo đến, họ đã theo cửa *Mỏ Xoài (Bà Rịa), Cần Giuộc (Sài Gòn)* đi vào; các nhánh sông *Đồng Nai, Sài Gòn, Vàm Cỏ* động những mái chèo khua nước, đưa những đoàn người cày cuốc đến khẩn hoang...*Đông Nam Bộ* giạt mình tỉnh giấc. *Xứ Đồng Nai, Gia Định* hình thành từ đó.

Địa thế *Đông Nam Bộ* vốn chuyển từ thấp đến cao dần ngược về thượng lưu của sông *Đồng Nai, sông Bé và Vàm Cỏ*. Đó cũng là hướng đi lên vùng rừng rậm âm u, địa bàn sinh sống của các tộc người bản địa lâu đời có ngôn ngữ, phong tục, tập quán khác hẳn với cư dân *Phù Nam và Chân Lạp*. Khi *Phù Nam* sụp đổ, lại gặp lúc biển tiến, đồng bằng dần dần bị ngập lụt, một số nhóm cư dân *Phù Nam* đã rời đồng bằng về *Đông Nam Bộ*. Dấu vết văn hóa của họ giờ còn nhận thấy ở một số di tích phía nam *Đông Nam Bộ*, chủ yếu ở *Long An và Đồng Nai*. Người *Chân Lạp* có vẻ định cư một ít trong vùng hiện nay là biên giới *Việt Nam-Kampuchia* ở *Tây Ninh và Bình Phước*. Đại bộ phận còn lại của *Đông Nam Bộ* gần như biệt lập cả về địa lý và nhân văn với cả *Phù Nam và Chân Lạp*.

Tất cả những đặc điểm lịch sử nói trên của *Đông Nam Bộ* trong hai thời kỳ của vương quốc *Phù Nam* và *Chân Lạp* đã định hình các sắc thái của xã hội *Đông Nam Bộ* từ thế kỷ I đến thế kỷ XVI. ■

8. Châu Đạt Quan (Lê Hương dịch), tài liệu đã dẫn, trang 80. Lê Hương, người dịch và xuất bản cuốn *Chân Lạp Phong thổ ký* ở *Sài Gòn* năm 19973 cho rằng toàn bộ mục *Sơn xuyên* này là miêu tả cảnh quan của *Nam Bộ*, chỉ có câu cuối “bốn phía có núi cao” là đất *Chân Lạp* thôi.

